

BÁO CÁO

Về việc triển khai thực hiện việc công khai đối với cơ sở GDMN theo quy định
tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023 - 2024
Trường mầm non Tam Hưng A

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường Mầm non; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 415/GDĐT-VP ngày 28/6/2024 của phòng GD&ĐT Thanh Oai về việc báo cáo thực hiện công khai trong hoạt động của các CSGD thuộc hệ thống GD quốc dân năm học 2023 - 2024.

Trường mầm non Tam Hưng A đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo cụ thể như sau:

I. VIỆC THỰC HIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUY:

Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện của các cấp tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm của việc thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Nhà trường đã XD kế hoạch số 251/KH-MNTHA ngày 15/9/2023 thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT năm học 2023 - 2024; ban hành QĐ số 252/QĐ-MNTHA ngày 15/9/2023 về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Trường mầm non Tam Hưng A; XD Quy chế Số 253/QCCK-MNTHA ngày 15/9/2023 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023 - 2024 và đã triển khai đến toàn bộ đội ngũ nhà trường.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều nắm chắc và đầy đủ về nội dung công khai, các hình thức công khai và thời điểm công khai.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC CÔNG KHAI:

1. Nội dung công khai:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT đối với trường MN đó là các biểu mẫu số: 01,02,03 và 04.

2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. *Cam kết chất lượng giáo dục*: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình GD mà nhà trường sẽ thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển và các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường (đính kèm Biểu mẫu 01).

b. *Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế*: Số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (đính kèm Biểu mẫu 02).

c. *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia*: Kết quả đạt được qua các mốc thời gian (đính kèm kế hoạch của nhà trường).

d. *Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non*: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (đính kèm kế hoạch của nhà trường).

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. *Cơ sở vật chất*: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (đính kèm Biểu mẫu 03).

b. *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên*:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (đính kèm Biểu mẫu 04).

2.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công tác công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

a. *Tình hình tài chính của trường trong năm học 2023 - 2024*:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về Quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, học phí, các khoản thu chi thỏa thuận với phụ huynh, chi thường xuyên... (đính kèm các biểu mẫu tài chính).

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

b. Thông báo các khoản thu và dự toán chi trong năm học 2023 - 2024 sau khi đã thỏa thuận với phụ huynh trong hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm học (đính kèm thông báo).

4. Thời điểm công khai:

- Đầu năm học và cuối năm học 2023 - 2024, nhà trường đã thực hiện công khai công khai các nội dung: Cam kết chất lượng giáo dục, công khai thông tin cơ sở vật chất; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của nhà trường (các biểu 01, 02, 03, 04).

- Thường xuyên công khai việc thu, chi tài chính trong nhà trường, qua buổi hội đồng sư phạm nhà trường (có biên bản họp hằng tháng).

- Khi thực hiện công khai đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thông tin mới, hoặc cần thay đổi. Thời gian nhà trường thực hiện công khai ít nhất 30 ngày liên tục, được tính từ ngày bắt đầu niêm yết.

5. Hình thức công khai:

- Nhà trường đã thực hiện niêm yết công khai tại các bảng tin của các 03 khu đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giáo viên và cha mẹ học sinh xem xét.
- Phổ biến trong các cuộc họp BDDCMHS và toàn thể cha mẹ học sinh đầu năm học (vào ngày 16/9/2023).

- Công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường hằng tháng.

- Công bố tại hội nghị cán bộ viên chức và người lao động (ngày 29/9/2023).

- Công khai trên cổng thông tin điện tử Website của trường.

6. Kế hoạch triển khai quy chế công khai trong năm học 2024 - 2025:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai trong các HĐ của Nhà trường theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 đã ban hành.

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 của nhà trường.

- Thông báo các khoản thu đã thỏa thuận đầu năm.

- Công khai tài chính, các khoản thu theo quy định (hằng tháng, học kỳ).

- Công khai khi có yêu cầu đột xuất.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban thanh tra nhân dân, CB, GV, NV tăng cường công tác giám sát việc thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường và đề xuất những bổ sung, thay đổi nếu thấy cần thiết.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai và thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023 - 2024 của trường mầm non Tam Hưng A. Nhà trường rất mong được sự đóng góp ý kiến của lãnh đạo cấp trên để nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện trong đơn vị được tốt hơn./.

Nơi nhận:

- UBND Huyện thanh Oai (để b/c);
- PGD&ĐT, PNV Huyện T.Oai (để b/c);
- Lưu VT./.



Nhật Thị Thủy

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.	98%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Steam
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	98 %	98 %
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở.	Đảm bảo 100%	Đảm bảo 100%

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
TAM HƯNG A

Như Thị Thủy

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	401	85	94	130	92
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	401	85	94	130	92
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	401	85	94	130	92
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	401	85	94	130	92
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	401	85	94	130	92
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	401	85	94	130	92
1	Phát triển bình thường về cân nặng	392	83	92	128	90
2	Suy dinh dưỡng cân nặng (thể nhẹ)	9	2	2	3	2
3	Phát triển bình thường về chiều cao	387	82	91	125	89
4	Trẻ thấp còi	14	3	3	5	3
5	Số trẻ em thừa cân, béo phì	0				
VI	Số trẻ em học chương trình chăm sóc giáo dục mầm non	401	85	94	130	92

HIỆU TRƯỞNG
MẦM NON
TAM HƯNG A

HIỆU TRƯỞNG
Nhữ Thị Chuyền

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Số điểm trường	3	-
II	Tổng số phòng	27	-
1	Loại phòng học	17	1,89 m ² /trẻ em
2	Phòng chức năng, hiệu bộ, Y tế, vi tính, thư viện, hành chính quản trị	7	-
III	Tổng DT đất toàn trường (m ²)	7.000	16 m ² /trẻ
IV	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	4.200	8,66 m ² /trẻ em
V	Diện tích phòng SH chung (m ²)	900	1,89m ² /trẻ em
VI	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	225	0,46 m ² /trẻ em
VII	Diện tích nhà bếp (m ²)	120	-
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	401	401/17 lớp
IX	Máy vi tính dành cho CB,GV,NV	23	-
X	Máy tính trẻ em	0	-
XI	Máy chiếu	1	-
XII	Máy in	17	-
XIII	Nhạc cụ (Đàn organ)	2	-
XIV	Ti vi	17	-
XV	Máy photô	1	-
XVI	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
XVII	Điều hòa	30	-
XVIII	Đồ chơi ngoài trời (loại)	10	-
XIX	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	238	-

6


HIỆU TRƯỞNG
MẦM NON
TAM HƯNG A
HIỆU TRƯỞNG
Nhữ Thị Chuyền

UBND HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MN TAM HƯNG A
Số: 245/TBCK-MNTHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tam Hưng, ngày 15 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

TT	Nội dung	T số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		Xếp loại chuẩn nghề nghiệp			
			Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	XS	Khá	TB	Kém
	Tổng số CBQL, GV và NV	56	41	8	7	0	7	37	9	27	0	0
I	Cán bộ Q.Lý	3	3					3	1	2		
1	Hiệu trưởng	1	1					1	1			
2	P.Hiệu trưởng	2	2					2		2		
II	Giáo viên	41	34	5	2	0	5	36	8	28	0	0
1	Nhà trẻ	10	5	3	2		2	8	2	6	0	
2	Mẫu giáo	26	19	2			3	28	6	28	0	
III	Nhân viên	12	2	3	5	2	2	0				
1	NV Kế toán	1	1				1					
2	NV Y tế	0										
3	NV Nuôi dưỡng	8		3	5							
4	NV phục vụ	0										
5	NV bảo vệ	3				2						


HIỆU TRƯỞNG
MẦM NON
TAM HƯNG A
Nhữ Thị Thủy

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

I. Thu tiền học phẩm: 150.000 đồng/cháu

TT	Danh mục học phẩm	Nhà trẻ	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi
1	Vở vẽ	12.500	12.500	12.500	12.500
2	Sách học toán		12.500	12.500	12.500
3	Vở thủ công	12.000	12.000	12.000	12.000
4	Túi thủ công + giấy màu+đất nặn	16.500	16.500	16.500	16.500
5	Vở làm quen với chữ cái		13.000	13.000	13.000
6	Sách bé chăm ngoan	6.000	6.000	6.000	6.000
7	Phiếu bé ngoan + lưu bé ngoan	9.500	9.500	9.500	9.500
8	Bút sáp + giấy cho trẻ vẽ (A4)	10.000	10.000	10.000	10.000
9	Hồ dán (Keo dán)	5.500	5.500	5.500	5.500
10	Bảng poc	8.000	8.000	8.000	8.000
11	Túi khuy bấm	5.000	5.000	5.000	5.000
12	Sổ sức khỏe + biểu đồ	12.000	12.000	12.000	12.000
13	Đồ dùng phục vụ HĐ góc	23.000	21.000	14.000	14.000
14	Thẻ chữ cái và số			7.000	7.000
15	Kéo con		6.500	6.500	6.500
16	Vòng thẻ đục, Trống, xác xô	20.000			
17	Sâu hoa, sâu hạt	10.000			
	Tổng	150.000	150.000	150.000	150.000

II. Thu tiền đồ dùng phục vụ công tác bán trú: 150.000 đồng/cháu

TT	Danh mục đồ dùng	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Lưu ý
1	Chiếu + chăn + đệm	49.000 đ	63.000 đ	Dùng chung
2	Khăn mặt, khăn lau tay	40.000 đ	40.000 đ	5 chiếc/năm
3	Cốc uống nước	5.000 đ	5.000 đ	Mua bổ sung 100 chiếc
4	Bát Inox to	3.000 đ	3.000 đ	Mua bổ sung 40 chiếc
5	Thìa + bát ăn cơm	8.500 đ	9.500 đ	Bổ sung mỗi loại 200 ch
6	Khay đựng cơm rơi	3.000 đ	3.000 đ	Mua bổ sung 40 chiếc
7	Xô, chậu, ĐD để nấu ăn	14.000 đ	16.000 đ	Dùng chung
8	Sửa phản ngủ	9.500 đ	10.500 đ	Sơn lại và sửa chữa 100
9	Yếm trẻ	18.000 đ		1 chiếc/năm
	Tổng	150.000	150.000	

